

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt

Công ty thành viên của JPA International

Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, Phường Chợ Lớn, Tp. HCM

Chi nhánh Đà Nẵng : 16 Lê Lai, Phường Hải Châu, TP Đà Nẵng

Email : contact@vietvalues.com

Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 05
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025	12 – 53

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk và 02 Công ty con là Công ty Cổ phần Cao su Đaknoruco và Công ty TNHH Phát triển Cao su Đắk Lắk - Mondolkiri (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025 đã được soát xét.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi cổ phần hóa theo quyết định số 1126/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000175829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 15/11/2010, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 17 tháng 01 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên sàn UpCom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 764/QĐ-SGDHN ngày 15/11/2019.

Mã chứng khoán là DRG.

Vốn điều lệ: 1.558.000.000.000 đồng

Vốn góp thực tế tính đến ngày 30/06/2025: 1.558.000.000.000 đồng

Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ, 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ và 03 công ty liên kết.

Công ty con được hợp nhất

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày 30/06/2025			Tại ngày 01/01/2025		
				Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
1.	Công ty CP Cao su Đăknoruco	Thôn Đắc Kim, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	Trồng, chăm sóc cây cao su và chế biến mủ cao su	73,40%	73,40%	73,40%	73,40%	73,40%	73,40%
2.	Công ty TNHH Phát triển Cao su Đắk Lắk – Mondolkiri	Phun Chrey Sen, Sangkat Monorom, Mondolkiri, Vương quốc Campuchia	Trồng, chăm sóc cây cao su; khai thác, chế biến mủ cao su	100%	100%	100%	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày 30/06/2025			Tại ngày 01/01/2025		
				Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
1.	Công ty CP Kỹ thuật Cao su	Km 18, Thôn Đoàn Kết, Xã Cuôr Đăng, Đắk Lắk	Dịch vụ tư vấn kỹ thuật, ứng dụng công nghệ về trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su; Sản xuất nước uống đóng chai; Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác	28,79%	28,79%	28,79%	28,79%	28,79%	28,79%
2.	Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk	Km 19, quốc lộ 14, Xã Cuôr Đăng, Đắk Lắk	Khai thác gỗ; Chế biến các sản phẩm từ gỗ; Chế biến tinh chế đồ gỗ gia dụng	45,10%	45,10%	45,10%	45,10%	45,10%	45,10%
3.	Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk	59 Cao Thắng – Phường Tân An - Tỉnh Đắk Lắk - Việt Nam	Trồng cây công nghiệp - chế biến	45,00%	45,00%	45,00%	60,84%	60,84%	60,84%

2. Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk
- Điện thoại : (+84) (0262) 3865015
- Fax : (+84) (0262) 3865041
- Email : caosus@dng.vnn.vn; caosus@dakruco.com
- Website : http://www.dakruco.com

3. Lĩnh vực kinh doanh: Công ty hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, sản xuất mủ cao su, chi thun và kinh doanh lưu trú.

4. Ngành nghề kinh doanh

- Trồng cây cao su; Trồng cây ăn quả;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh. Chi tiết: chế biến cao su;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, khu du lịch;
- Hoạt động thể thao khác. Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm vui chơi, giải trí, thể thao văn hóa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (ăn uống, nước giải khát, rượu, bia, thuốc lá);
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao).
- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: cho thuê phương tiện vận tải)...

5. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

5.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch	24/11/2023	
Ông Nguyễn Minh	Thành viên	24/11/2023	
Ông Nguyễn Độ	Thành viên	24/11/2023	01/05/2025
Ông Nguyễn Trần Giang	Thành viên	24/11/2023	
Ông Nguyễn Văn Cúc	Thành viên	24/11/2023	
Ông Tạ Quang Tòng	Thành viên	24/11/2023	
Ông Nguyễn Văn Thông	Thành viên	28/06/2024	
Bà Nguyễn Thị Mai Quyên	Thành viên	26/06/2025	

5.2 Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thạc Hoành	Trưởng ban	24/11/2023	
Ông Phan Thanh Tân	Thành viên	24/11/2023	
Ông Âu Quý Vinh	Thành viên	26/06/2025	
Bà Nguyễn Thị Mai Quyên	Thành viên	24/11/2023	26/06/2025

5.3 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Minh	Tổng Giám đốc	15/08/2024	
Ông Nguyễn Độ	Phó Tổng Giám đốc	25/11/2023	
Ông Nguyễn Trần Giang	Phó Tổng Giám đốc	01/01/2025	
Ông Nguyễn Văn Cúc	Phó Tổng Giám đốc	15/08/2025	
Ông Lê Thanh Bình	Kế toán trưởng	01/01/2025	

6. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch HĐQT	24/11/2023	
Ông Nguyễn Minh	Tổng Giám đốc	15/08/2024	

7. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ và tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ trang 8 đến trang 53.

8. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

9. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/6/2025 của Tập đoàn.

10. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, tình hình hoạt động hợp nhất giữa niên độ của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

11. Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Chúng tôi, Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị



NGUYỄN VIỆT TƯỜNG

Chủ tịch HĐQT

Đắk Lắk, ngày 27 tháng 08 năm 2025

Số: 36/2025/BCKT/AUD-DNVVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk và các Công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”), được lập ngày 27 tháng 8 năm 2025, từ trang 08 đến trang 53, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có bất kỳ sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày 30/06/2025, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của đơn

vị cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025 theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

TP. Đà Nẵng, ngày 27 tháng 8 năm 2025

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - VIETVALUES



Huỳnh Minh Hưng - Giám đốc Chi nhánh

Giấy CNĐKHN số: 3402-2025-071-1

Chữ ký được uỷ quyền

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VIETVALUES

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh, P Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		306.016.927.596	484.191.193.318
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	146.132.501.640	215.390.256.603
111	1. Tiền		70.988.917.961	214.340.256.603
112	2. Các khoản tương đương tiền		75.143.583.679	1.050.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		11.157.763.432	21.110.852.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2a	11.157.763.432	21.110.852.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		34.471.264.968	25.135.486.494
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	37.204.163.997	34.526.688.362
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	11.999.343.222	9.610.334.468
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	7.061.118.129	3.379.824.044
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(21.793.360.380)	(22.381.360.380)
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	112.059.222.270	212.438.151.751
141	1. Hàng tồn kho		115.685.856.153	212.449.178.060
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.626.633.883)	(11.026.309)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.196.175.286	10.116.446.470
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8a	933.117.211	2.200.961.198
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		700.852.252	7.718.152.896
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.15	13.782.636	197.332.376
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		548.423.187	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.049.625.520.488	2.167.314.675.455
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.005.104.272	5.298.995.532
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	V.9	7.694.291.941	8.172.730.582
216	2. Phải thu dài hạn khác	V.5.b	110.288.975	110.288.975
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	V.9	(2.799.476.644)	(2.984.024.025)
220	II. Tài sản cố định		1.081.362.865.349	1.395.977.643.618
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	1.065.264.843.716	1.370.922.129.988
222	- Nguyên giá		1.927.773.315.653	2.576.969.002.419
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(862.508.471.937)	(1.206.046.872.431)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.11	16.098.021.633	25.055.513.630
228	- Nguyên giá		18.651.002.296	28.092.770.358
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.552.980.663)	(3.037.256.728)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		629.398.195.247	718.043.206.433
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	V.13	-	40.768.437.004
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.12	629.398.195.247	677.274.769.429
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.2b	321.361.341.477	24.343.506.476
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		307.865.870.299	7.848.285.298
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		13.495.471.178	16.495.221.178
260	VI. Tài sản dài hạn khác		12.498.014.143	23.651.323.396
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8b	12.386.444.746	23.435.016.529
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	216.306.867
268	3. Tài sản dài hạn khác		111.569.397	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.355.642.448.084	2.651.505.868.773

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh, P Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		641.761.238.531	760.990.733.374
310	I. Nợ ngắn hạn		249.694.037.973	599.344.698.056
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	36.180.502.700	23.701.178.051
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15	20.357.001.511	42.753.108.582
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	44.406.403.677	108.365.357.281
314	4. Phải trả người lao động		35.287.040.120	82.819.727.128
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	3.448.970.529	5.710.659.747
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.18a	22.922.361.663	20.966.179.813
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.19a	32.084.130.174	93.628.733.146
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.20a	11.850.000.000	173.935.652.535
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.21	43.157.627.599	47.464.101.773
330	II. Nợ dài hạn		392.067.200.558	161.646.035.318
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.18b	356.902.517	362.229.419
337	2. Phải trả dài hạn khác	V.19b	85.994.368.537	86.798.757.775
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.20b	304.457.937.030	73.227.055.650
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		1.257.992.474	1.257.992.474
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.713.881.209.553	1.890.515.135.399
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.22	1.713.881.209.553	1.890.515.135.399
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.558.000.000.000	1.558.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.558.000.000.000	1.558.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
417	2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(130.324.878.741)	(238.478.638.261)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		63.779.285.972	67.900.939.117
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		208.890.980.269	254.419.765.514
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		80.623.514.205	175.577.037.350
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		128.267.466.064	78.842.728.164
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		13.535.822.053	248.673.069.029
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.355.642.448.084	2.651.505.868.773

Người lập biểu



HOÀNG THỊ THU SƯƠNG

Kế toán trưởng



LÊ THANH BÌNH



Đắk Lắk, ngày 27 tháng 8 năm 2025

Tổng Giám Đốc

NGUYỄN MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh, P Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	373.940.293.255	426.588.222.484
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		93.333.450	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		373.846.959.805	426.588.222.484
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	314.136.280.303	363.126.981.827
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		59.710.679.502	63.461.240.657
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	89.856.464.510	9.209.237.152
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	9.212.214.899	13.009.222.674
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		8.395.911.462	11.437.382.686
24	8. Phần lỗ hoặc lãi trong công ty liên doanh, liên kết		26.019.312.278	22.177.807
25	9. Chi phí bán hàng	VI.5	8.244.714.603	16.873.782.392
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	19.527.205.968	18.342.356.699
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		138.602.320.820	24.467.293.851
31	12. Thu nhập khác	VI.7	8.925.145.890	2.495.512.590
32	13. Chi phí khác	VI.8	1.409.119.892	4.263.207.054
40	14. Lợi nhuận khác		7.516.025.998	(1.767.694.464)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		146.118.346.818	22.699.599.387
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.16	17.925.121.102	7.670.229.314
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(2.792.626)	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		128.196.018.342	15.029.370.073
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		128.267.466.064	4.938.453.227
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(71.447.722)	10.090.916.846
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	508	20
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10	508	20

Người lập biểu



HOÀNG THỊ THU SƯƠNG

Kế toán trưởng



LÊ THANH BÌNH



Đắk Lắk, ngày 27 tháng 8 năm 2025

Tổng Giám Đốc

NGUYỄN MINH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

DVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
1	2	3	4	5
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	1. Lợi nhuận trước thuế		146.118.346.818	22.699.599.387
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.10, V.11	37.319.793.844	53.567.234.107
03	- Các khoản dự phòng		2.843.060.193	(609.402.933)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.573.210.509)	(5.198.875.990)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(94.690.098.028)	(3.935.496.737)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	8.395.911.462	11.437.382.686
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
	3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động		98.413.803.780	77.960.440.520
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(60.351.010.901)	(11.369.972.354)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		21.539.636.973	10.769.095.774
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(133.913.531.211)	(4.606.774.971)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(372.230.948)	(6.787.658.665)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(9.413.497.134)	(11.543.173.617)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.16	(12.788.895.888)	(12.501.627.695)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(21.824.968.607)	(8.229.790.400)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(118.710.693.936)	33.690.538.592
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác		(45.589.543.424)	(50.860.264.764)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác		11.793.561.060	2.195.509.330
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(3.546.911.432)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		3.684.547.381	7.935.148.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(250.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác		98.020.831.577	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.179.968.032	2.465.246.296
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		67.542.203.194	(38.264.361.138)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	60.257.390.000
33	2. Tiền thu từ đi vay	VII.1	328.216.985.907	220.401.408.505
34	3. Tiền trả nợ gốc vay	VII.2	(308.530.204.416)	(247.042.358.831)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(38.323.364.610)	(7.362.804.677)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(18.636.583.119)	26.253.634.997
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(69.805.073.861)	21.679.812.451
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		215.390.256.603	122.132.037.937
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		547.318.898	1.170.123.338
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	146.132.501.640	144.981.973.726

Người lập biểu



HOÀNG THỊ THU SƯƠNG

Kế toán trưởng



LÊ THANH BÌNH



Đắk Lắk, ngày 27 tháng 8 năm 2025

Tổng Giám Đốc

NGUYỄN MINH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Cao su Đắc Lắc và 02 Công ty con là Công ty Cổ phần Cao su Đaknoruco và Công ty TNHH Phát triển Cao su Đắc Lắc - Mondulkiri (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025 đã được soát xét.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cao su Đắc Lắc (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi cổ phần hóa theo quyết định số 1126/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắc Lắc. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000175829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 15/11/2010, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 09 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 17 tháng 01 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên sàn UpCom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 764/QĐ-SGDHN ngày 15/11/2019.

Mã chứng khoán là DRG.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: trồng, khai thác, chế biến cao su, kinh doanh nhà hàng, khách sạn...

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Tập đoàn là:

- Trồng cây cao su;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh. Chi tiết: chế biến cao su;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua, bán: Mủ cao su và một số nông sản trồng xen cao su;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua, bán: Vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất, chế biến cao su;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Mua, bán: Phân bón, nhiên liệu, thuốc bảo vệ thực vật;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh kho bãi, bất động sản và dịch vụ liên quan đến kho bãi (vận chuyển, nâng hạ hàng hóa, bao bì, container);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, khu du lịch;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (ăn uống, nước giải khát, rượu, bia, thuốc lá);
- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: cho thuê phương tiện vận tải.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với các hoạt động của Tập đoàn thường kéo dài không quá 12 tháng. Riêng đối với hoạt động trồng rừng keo chu kỳ sản xuất kinh doanh kéo dài hơn 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮC LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Trong kỳ, Công ty mẹ thoái vốn đầu tư vào Công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk số lượng 11.597.500 cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ 15,84% vốn điều lệ, kết quả thoái vốn lãi gần 83 tỷ làm cho lợi nhuận sau thuế tăng 8,5 lần so với cùng kỳ năm trước.

Ngoài ra, không có sự kiện nào khác về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi quy mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Tập đoàn trong năm.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ, 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ và 03 công ty liên kết.

Số lượng Công ty con được hợp nhất: 02 Công ty

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	30/06/2025			01/01/2025		
				Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
1.	Công ty CP Cao su Đăknoruco	Thôn Đắc Kim, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	Trồng, chăm sóc cây cao su và chế biến mủ cao su	73,37%	73,37%	73,37%	73,37%	73,37%	73,37%
2.	Công ty TNHH Phát triển Cao su Đắk Lắk – Mondolkiri	Phun Chrey Sen, Sangkat Monorom, Mondolkiri, Vương quốc Campuchia	Trồng, chăm sóc cây cao su; khai thác, chế biến mủ cao su	100%	100%	100%	100%	100%	100%

03 Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	30/06/2025			01/01/2025		
				Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
1.	Công ty CP Kỹ thuật Cao su	Km 18, Thôn Đoàn Kết, Xã Cuôr Đăng, Đắk Lắk	Dịch vụ tư vấn kỹ thuật, ứng dụng công nghệ về trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su; Sản xuất nước uống đóng chai; Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác	28,79%	28,79%	28,79%	28,79%	28,79%	28,79%
2.	Công ty CP Chế biến gỗ	Km 19, quốc lộ 14, Xã Cuôr	Khai thác gỗ; Chế biến các sản phẩm từ gỗ; Chế	45,13%	45,13%	45,13%	45,13%	45,13%	45,13%

	Cao su Đắk Lắk	Đăng, Đắk Lắk	biến tinh chế đồ gỗ gia dụng						
3.	Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk	59 Cao Thắng – Phường Tân An - Tỉnh Đắk Lắk - Việt Nam	Trồng cây công nghiệp - chế biến	45,00%	45,00%	45,00%	60,84%	60,84%	60,84%

02 công ty dài hạn khác

ST T	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	30/06/2025			01/01/2025		
				Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
1.	Công ty CP Cao su Thái Dương	Lô số 4, Đường số 7, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Mua bán các sản phẩm, nguyên vật liệu cao su, nhựa, keo dán, mực in, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh và hóa chất sử dụng trong nông nghiệp), các mặt hàng cơ khí (không tồn trữ hóa chất)	10,00%	10,00%	10,00%	10,00%	10,00%	10,00%
2.	Quỹ tín dụng Cao su Đắk Lắk	68 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Hoạt động tín dụng và các dịch vụ ngân hàng khác	10,46%	10,46%	10,46%	10,46%	10,46%	10,46%

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025 so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm trước.

8. **Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn có 2.574 nhân viên đang làm việc. (Tại ngày 31/12/2024 là 5.084 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Riêng Báo cáo này là Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025 được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

a. Hợp nhất với Công ty con

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025 bao gồm Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk và 02 Công ty con là Công ty Cổ phần Cao su Đaknoruco và Công ty TNHH Phát triển Cao su Đắk Lắk - Mondulkiri. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025 từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025 của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025 và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2025 (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

b. Hợp nhất với Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết được điều chỉnh giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty với các bên liên doanh, liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Công ty trong các bên liên doanh, liên kết. Các chính sách kế toán của các bên liên doanh, liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu khi:

- Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên;
- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 20
Máy móc thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải	05 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 – 06
Vườn cây lâu năm	20
Tài sản cố định khác	5 - 10

Riêng khấu hao TSCĐ đối với vườn cây cao su được thực hiện dựa trên công văn số 1937/BTC-TCDN ngày 09/02/2010 của Cục Tài chính Doanh nghiệp – Bộ Tài chính v/v Trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27/04/2010 của Tập Đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc Ban hành tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm, cụ thể như sau:

Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)	Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)
Năm thứ 1	2,5	Năm thứ 11	7,0
Năm thứ 2	2,8	Năm thứ 12	6,6
Năm thứ 3	3,5	Năm thứ 13	6,2
Năm thứ 4	4,4	Năm thứ 14	5,9
Năm thứ 5	4,8	Năm thứ 15	5,5
Năm thứ 6	5,4	Năm thứ 16	5,4
Năm thứ 7	5,4	Năm thứ 17	5,0
Năm thứ 8	5,1	Năm thứ 18	5,5
Năm thứ 9	5,1	Năm thứ 19	5,2
Năm thứ 10	5,0	Năm thứ 20	

- Mức trích khấu hao từng năm được xác định bằng cách lấy nguyên giá vườn cây cao su nhân với tỷ lệ khấu hao áp dụng cho năm đó.
- Mức khấu hao năm cuối cùng (năm thứ 20) được xác định bằng giá trị còn lại của vườn cây của năm khai thác cuối cùng.

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Giá trị hiện tại của giá trị thanh lý vườn cây cao su đang kinh doanh

Theo quy định tại Khoản 4, Điều 10 Thông tư 17/2015/TTLT/BNNPTNT-BTC thì giá trị hiện tại của giá trị thanh lý vườn cây cao su đang kinh doanh được ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Giá trị hiện tại của giá trị thanh lý vườn cây cao su đang kinh doanh không tiến hành trích khấu hao trong thời gian sử dụng vườn cây cao su kinh doanh và sẽ được trích khấu hao một lần tại thời điểm thanh lý vườn cây cao su.

9. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng không quá 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Tập đoàn.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều năm được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh;

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước).
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán/chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỉ giá hối đoái...

17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Công ty giao dịch thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng mà Công ty giao dịch thanh toán.

Khi chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài – công ty con để tổng hợp vào Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn, tỷ giá sử dụng như sau:

- Tài sản và nợ phải trả (cả khoản mục tiền tệ và phi tiền tệ) của cơ sở ở nước ngoài được qui đổi theo tỷ giá cuối kỳ;
- Vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác, quyền chọn chuyển đổi trái phiếu của cơ sở ở nước ngoài được qui đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn;
- Chênh lệch tỷ giá và chênh lệch đánh giá lại tài sản của cơ sở ở nước ngoài được qui đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày đánh giá;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của cơ sở ở nước ngoài phát sinh sau ngày đầu tư được qui đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Lợi nhuận, cổ tức đã trả của cơ sở ở nước ngoài được qui đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả lợi tức, cổ tức;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được qui đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân của năm tài chính do xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài được tổng hợp vào Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được phân loại như là vốn chủ sở hữu cho đến khi thanh lý khoản đầu tư đó.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2025	01/01/2025
Tiền mặt	754.117.785	8.417.555.811
Tiền gửi ngân hàng	70.234.800.176	205.922.700.792
Các khoản tương đương tiền - tiền gửi có kỳ hạn gốc	75.143.583.679	1.050.000.000
- Ngân hàng TMCP BIDV - CN TP. Buôn Ma Thuột	10.000.000.000	-
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Đắk Lắk	10.032.274.000	-
- NH TMCP Công thương - CN Đắk Nông	50.000.000	1.050.000.000
- Ngân hàng Sacombank STB	55.061.309.679	-
Cộng	146.132.501.640	215.390.256.603

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK
Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	11.157.763.432	11.157.763.432	21.110.852.000	21.110.852.000
- Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Đắk Lắk	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Đắk Lắk	1.157.763.432	1.110.852.000	1.110.852.000	1.110.852.000
- Quỹ tín dụng cao su Đắk Lắk	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	11.157.763.432	11.157.763.432	21.110.852.000	21.110.852.000

Tại ngày 30/06/2025 Công ty đã cầm có thể chấp hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với giá trị gốc là 10.000.000.000 đồng (xem thuyết minh số V.20)

b. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2025			01/01/2025		
	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư
Đầu tư vào Công ty liên kết						
- Công ty CP Kỹ thuật Cao su	Kỹ thuật cao su	28,79%	307.865.870.299	339.120.808.995	28,79%	7.848.285.298
			7.942.977.423	7.863.774.893		7.848.285.298
- Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk (*)	Chế biến gỗ	45,13%	-	101.672.256	45,13%	-
- Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk	Kinh doanh cao su	45,00%	299.922.892.876	331.155.361.846		
Đầu tư vào đơn vị khác			13.495.471.178	13.495.471.178		16.495.221.178
- Công ty CP Cao su Thái Dương	Kinh doanh cao su	10,00%	5.556.143.881	5.556.143.881	12,50%	5.556.143.881
- Quỹ tín dụng Cao su Đắk Lắk	Tín dụng	10,46%	7.939.327.297	7.939.327.297	13,14%	10.939.077.297
Cộng			321.361.341.477	352.616.280.173		24.343.506.476
						21.460.668.327

Số cổ phiếu công ty cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk đã được cầm có thể chấp vay tại ngày 30/06/2025 là 11.000.000 cổ phiếu (Xem thuyết minh số V.20)



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

	Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk	Công ty CP Kỹ thuật Cao su	Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk
Giá gốc khoản đầu tư			
Số dư tại ngày 01/01/2025	447.745.029.346	7.863.774.893	101.672.256
Tăng trong kỳ		-	-
Giảm trong kỳ	(116.589.667.500)	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2025	331.155.361.846	7.863.774.893	101.672.256

Giá trị vốn đầu tư theo phương pháp VCSH

Số dư tại ngày 01/01/2025	355.663.527.542	7.848.285.297	-
Lợi nhuận từ Công ty liên kết trong kỳ (từ ngày thoái vốn đến cuối kỳ)	25.924.620.152	94.692.126	-
Lợi nhuận của cty con trong kỳ (từ đầu kỳ đến ngày thoái vốn)	12.294.410.278	-	-
Chênh lệch tỷ giá chuyển đổi báo cáo	11.084.786.269	-	-
Giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con	(95.815.709.994)	-	-
Thuế chuyển lợi nhuận từ công ty con ở nước ngoài về Việt Nam	(4.063.043.610)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	(5.165.697.761)	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2025	299.922.892.876	7.942.977.423	-

(*) Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk đã tạm dừng hoạt động, đang chờ giải thể, vốn chủ sở hữu tại Công ty này đã bị âm. Do đó, Tập đoàn xác định không thể thu hồi được khoản đầu tư này và đã trích lập dự phòng tổn thất 100%. Giá trị vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại Công ty liên kết này được xác định bằng 0.

(*) Trong kỳ, Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk thoái vốn đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk (DRI) thành công ty liên kết, cụ thể:

	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ nắm giữ	Giá trị đầu tư
Đầu năm	44.537.500	60,84%	355.663.527.542
Thoái vốn	11.597.500	15,84%	95.815.709.994
Cuối kỳ	32.940.000	45%	299.922.892.876

Kết quả của việc thoái vốn đầu tư:

Giá trị chuyển nhượng	179.150.520.000
Giá trị đầu tư	(95.815.709.994)
Chi phí thoái vốn (môi giới chứng khoán...)	(347.850.141)
Lãi	82.986.959.865

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/06/2025	01/01/2025
Phải thu các bên liên quan	3.757.574.500	3.757.574.500
(Xem thuyết minh số VIII.1)		
Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk	3.757.574.500	3.757.574.500
Phải thu các khách hàng khác	33.446.589.497	30.769.113.862
Công ty TNHH Nông Nghiệp Nhất Thống	9.989.067.800	9.989.067.800
Corrie Maccoll Europe B.V	-	1.114.797.600
Công ty Cổ phần Furniweb Việt Nam	3.898.108.800	832.809.600
Weber and Schaer GMBH & Co., KG	-	2.187.233.395
Ukko Corporation	-	3.118.779.000
Các khách hàng khác	19.559.412.897	13.526.426.467
Cộng	37.204.163.997	34.526.688.362

Tại ngày 30/06/2025 trong tổng số nợ phải thu có 9.989.067.800 đồng đã quá hạn thanh toán nhưng chưa thu hồi được, Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi 100%.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
(Xem thuyết minh số VIII.1)		
Trả trước cho người bán khác	11.999.343.222	9.610.334.468
Công ty TNHH Trúc Phổ	4.443.540.077	4.443.540.077
Công ty TNHH Xây dựng Lê Vũ	1.176.293.056	1.176.293.056
Công ty TNHH XD TM Hoàng Minh Phúc	1.077.000.000	-
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng HP	1.004.000.000	-
Các đối tượng người bán khác	4.298.510.089	3.990.501.335
Cộng	11.999.343.222	9.610.334.468

Tại ngày 30/06/2025 trong tổng số khoản trả trước cho người bán có 6.160.872.731 đồng tồn đọng trước cổ phần hóa năm 2016 chưa thu hồi được, Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi 100%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**5. Phải thu khác****a. Ngắn hạn**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các đối tượng khác	4.691.705.527	(1.026.820.349)	1.530.138.700	(1.026.820.349)
- Phải thu nhân viên về BHXH	2.839.589.433	-	1.353.903.892	-
- Lãi dự thu	444.848.945	-	343.864.985	-
- Công ty CP Nông Hữu Thuận Sinh	1.026.820.349	(1.026.820.349)	1.026.820.349	(1.026.820.349)
- Các đối tượng phải thu khác	380.446.800	-	(1.194.450.526)	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.000.000	-	3.000.000	-
Tạm ứng CBCNV	2.366.412.602	-	1.846.685.344	-
Cộng	7.061.118.129	(1.026.820.349)	3.379.824.044	(1.026.820.349)

b. Dài hạn

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đặt cọc tiền thuê đất	110.288.975	-	110.288.975	-
Cộng	110.288.975	-	110.288.975	-

6. Dự phòng nợ phải thu khó đòi ngắn hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Công ty TNHH Trúc Phố	4.443.540.077	4.443.540.077
Công ty TNHH Xây dựng Lê Vũ	1.176.293.056	1.176.293.056
Công ty CP Nông Hữu Thuận Sinh	1.026.820.349	1.026.820.349
Công ty CP Chế biến gỗ cao su Đắk Lắk	3.757.574.500	3.757.574.500
Công ty TNHH Nông Nghiệp Nhất Thống	9.989.067.800	9.989.067.800
Hợp tác xã Nông nghiệp Hoàng Lộc	433.330.000	433.330.000
Công ty TNHH Agritechco	374.810.000	962.810.000
Các đối tượng khác	591.924.598	591.924.598
Cộng	21.793.360.380	22.381.360.380

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮC LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	23.274.102.475	(11.026.309)	33.826.402.534	(11.026.309)
Công cụ, dụng cụ	5.940.024.724	-	6.269.654.604	-
Chi phí SXKD dở dang	24.394.914.748	-	14.370.883.088	-
Thành phẩm	57.850.947.249	(3.615.607.574)	154.384.179.157	-
Hàng hóa	189.907.772	-	180.943.442	-
Hàng gửi đi bán	4.035.959.185	-	3.417.115.235	-
Cộng	115.685.856.153	(3.626.633.883)	212.449.178.060	(11.026.309)

- Nguyên vật liệu là các loại thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, các phụ gia dùng chế biến mủ cao su, các vật liệu dùng để đóng gói thành phẩm và một số vật liệu khác.
- Công cụ dụng cụ là các loại bảo hộ lao động, kiềng, chén hứng mủ, dây cột kiềng, dây hứng mủ.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là giá trị mủ nguyên liệu chưa đưa vào sản xuất.
- Thành phẩm là các sản phẩm mủ cao su gồm mủ cốm các loại SVR 5, SVR 10, SVR 20, SVR 3L, SVR CV60, Mủ nước latex HA, Mủ Skim block.
- Hàng hóa là mủ thành phẩm mua ngoài gồm mủ cốm SVR 10 và mủ Latex HA.
- Tập đoàn có một số hàng tồn kho mất phẩm chất, ứ đọng tại ngày 30/06/2025 là 11.026.309 đồng.
- Tập đoàn không có hàng tồn kho thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/06/2025.

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2025	01/01/2025
Chi phí vận chuyển mủ cao su tồn kho cuối năm	-	970.560.000
Vườn ươm cao su năm 2025	-	354.845.859
Sản xuất phân vi sinh năm 2025	-	318.993.200
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	51.668.273	54.077.722
Chi phí bảo hiểm	154.944.292	363.067.514
Chi phí sửa chữa, thay thế	13.287.939	9.432.963
Chi phí trả trước ngắn hạn khác chờ phân bổ	713.216.707	129.983.940
Cộng	933.117.211	2.200.961.198

b. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Lợi thế quyền thuê đất trả trước theo định giá GTDN	4.758.281.669	4.878.870.239
Chi phí sửa chữa	2.027.332.928	3.290.527.509
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	4.182.243.751	4.458.350.237
Tiền thuê đất dự án trồng chuối	-	2.983.798.571
Chi phí khác chờ phân bổ	1.418.586.398	7.823.469.973
Cộng	12.386.444.746	23.435.016.529

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**9. Phải thu về cho vay**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Các khoản cho vay dài hạn	7.694.291.941	(2.799.476.644)	8.172.730.582	(2.984.024.025)
Nông trường Cư Mgar	2.404.748.337	(2.436.258.556)	2.589.295.718	(2.589.295.718)
Nông trường Phú Xuân	394.728.307	(363.218.088)	363.218.088	(363.218.088)
Nông trường Cuôr Đăng	-	-	31.510.219	(31.510.219)
Cho vay đầu tư cao su liên kết tại Campuchia	4.894.815.297	-	5.188.706.557	-
Cộng	7.694.291.941	(2.799.476.644)	8.172.730.582	(2.984.024.025)

Đây là các khoản phải thu đầu tư cao su liên kết với các hộ dân, theo đó công ty đầu tư chi phí ban đầu trong thời gian kiến thiết cơ bản của vườn cây cao su theo từng hợp đồng. Thời hạn của hợp đồng bắt đầu từ khi ký kết hợp đồng cho tới khi thu hồi hết giá trị đầu tư hoặc đến khi thanh lý vườn cây cao su.

Trong một số trường hợp, do năng suất cây cao su không đạt yêu cầu khai thác, các hộ dân nhận đầu tư sẽ không thể hoàn trả lại chi phí đã được đầu tư, khi đó, giá trị đầu tư sẽ được trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK
Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình							
	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiền vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây lâu năm	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá							
Số đầu kỳ	492.969.419.766	327.252.458.596	104.949.523.958	3.302.922.564	1.647.806.801.899	687.875.636	2.576.969.002.419
Tăng trong kỳ	5.691.197.321	208.713.801	2.045.768.616	392.730.556	89.911.996.695	-	98.250.406.989
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	(244.768.931)	-	(244.768.931)
Giảm do điều chỉnh HN	(120.845.118.468)	(38.301.181.713)	(28.483.654.235)	(138.834.669)	(564.492.121.182)	-	(752.260.910.267)
Chênh lệch tỷ giá (*)	554.650.278	35.019.725	57.934.823	-	4.411.980.617	-	5.059.585.443
Số cuối kỳ	378.370.148.897	289.195.010.409	78.569.573.162	3.556.818.451	1.177.393.889.098	687.875.636	1.927.773.315.653
Khấu hao							
Số đầu kỳ	302.550.696.117	301.967.805.916	70.900.939.730	2.942.441.738	527.374.283.139	310.705.791	1.206.046.872.431
Khấu hao trong kỳ	5.678.629.880	5.053.853.814	1.454.863.580	127.058.242	24.947.762.746	28.798.680	37.290.966.942
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	(7.260.555)	-	(7.260.555)
Giảm do điều chỉnh HN	(69.389.749.986)	(34.608.340.290)	(19.941.123.561)	(96.256.631)	(258.169.642.652)	-	(382.205.113.120)
Chênh lệch tỷ giá (*)	244.780.070	21.801.974	6.811.314	-	1.109.612.881	-	1.383.006.239
Số cuối kỳ	239.084.356.081	272.435.121.414	52.421.491.063	2.973.243.349	295.254.755.559	339.504.471	862.508.471.937
Giá trị còn lại							
Số đầu kỳ	175.715.460.995	36.175.680.257	32.027.064.345	435.559.665	1.026.245.885.948	434.767.205	1.370.922.129.988
Số cuối kỳ	139.285.792.816	16.759.888.995	26.148.082.099	583.575.102	882.139.133.539	348.371.165	1.065.264.843.716

(*) Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của các Công ty con ở nước ngoài.

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là 274.948.654.305 đồng.

- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đang cầm cố, thế chấp các khoản nợ vay tại 30/06/2025 là 292.728.780.898 đồng (xem tại thuyết minh số V.20).



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy tính	Giấy chứng nhận ISO	Hiện giá giá trị thanh lý vườn cây cao su (**)	Giá trị chuyển giao công nghệ	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu kỳ	6.182.310.849	2.337.596.658	259.783.292	19.013.079.559	300.000.000	28.092.770.358
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm do hợp nhất (*)	(5.649.620.520)	(259.783.292)	-	-	-	(5.909.403.812)
Giảm trong kỳ	-	-	-	(3.532.364.250)	-	(3.532.364.250)
Số cuối kỳ	532.690.329	2.077.813.366	259.783.292	15.480.715.309	300.000.000	18.651.002.296
Khấu hao						
Số đầu kỳ	413.126.778	2.074.346.658	259.783.292	-	290.000.000	3.037.256.728
Khấu hao trong kỳ	5.326.902	13.500.000	-	-	10.000.000	28.826.902
Giảm do hợp nhất (*)	(253.319.675)	(259.783.292)	-	-	-	(513.102.967)
Số cuối kỳ	165.134.005	1.828.063.366	259.783.292	-	300.000.000	2.552.980.663
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	5.769.184.071	263.250.000	-	19.013.079.559	10.000.000	25.055.513.630
Số cuối kỳ	367.556.324	249.750.000	-	15.480.715.309	-	16.098.021.633

(*) Giá trị nguyên giá và hao mòn lũy kế TSCĐ vô hình tương ứng của công ty con DRI đầu kỳ, cuối kỳ công ty mẹ đã thoái vốn thành công ty liên kết.

(**) Theo quy định tại Khoản 4, Điều 10 Thông tư 17/2015/TTLT/BNNPTNT-BTC ngày 22 tháng 04 năm 2015 do liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Bộ Tài chính ban hành thì giá trị hiện tại của giá trị thanh lý vườn cây cao su đang kinh doanh được ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Giá trị hiện tại của giá trị thanh lý vườn cây cao su đang kinh doanh không tiến hành trích khấu hao trong thời gian sử dụng vườn cây cao su kinh doanh và sẽ được trích khấu hao một lần tại thời điểm thanh lý vườn cây cao su.

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là 2.367.596.658 đồng.

- Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đang cầm cố, thế chấp các khoản nợ vay tại 30/06/2025 là 15.480.715.309 đồng (xem thuyết minh số V.20).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Diện tích (ha)	30/06/2025	01/01/2025
Tại Công ty mẹ		591.111.922.447	635.886.258.933
Nông trường Phú Xuân		307.626.445.283	242.019.992.404
Vườn cây cao su trồng năm 2016	240,8	57.778.869.321	83.201.974.335
Vườn cây cao su trồng năm 2017	357,03	68.734.178.512	71.558.246.706
Vườn cây cao su trồng năm 2018	267,42	46.344.904.295	44.301.510.844
Vườn cây cao su trồng năm 2019	182,9	27.664.548.087	26.192.701.710
Vườn cây cao su trồng năm 2020	68,77	49.199.674.936	8.657.766.653
Vườn cây cao su trồng năm 2021	77,32	57.301.093.196	7.634.914.661
Vườn cây lâm nghiệp năm 2023 FSC		273.333.645	265.281.662
Vườn cây lâm nghiệp năm 2024 FSC		212.048.236	207.595.833
Vườn cây lâm nghiệp năm 2025 FSC		117.795.055	-
Nông trường Cưkpô		212.966.982.450	253.163.186.610
Vườn cây cao su trồng năm 2015		-	1.373.396.055
Vườn cây cao su trồng năm 2016	169,34	38.987.287.520	84.744.123.844
Vườn cây cao su trồng năm 2017	321,55	66.737.954.387	64.484.820.637
Vườn cây cao su trồng năm 2018	287,87	48.011.679.577	46.113.016.243
Vườn cây cao su trồng năm 2019	261,49	41.415.603.968	39.567.727.546
Vườn cây cao su trồng năm 2020	146,64	17.814.456.998	16.818.602.285
Trồng cây đai rừng năm 2024		-	61.500.000
Nông trường 19/8		8.812.664.800	8.812.664.800
Vườn cây cao su trồng năm 2017 (*)	85,82	8.812.664.800	8.812.664.800
Nông trường Cuôđăng		-	82.589.367.180
Vườn cây cao su trồng năm 2020		-	37.660.632.270
Vườn cây cao su trồng năm 2021		-	44.928.734.910
Nông trường Cư Mgar		55.222.867.968	42.486.807.535
Vườn cây cao su trồng năm 2018	38,1	8.901.872.952	8.846.223.617
Vườn cây cao su trồng năm 2019	21,44	3.633.122.549	3.481.174.495
Vườn cây cao su trồng năm 2020	92,54	16.142.151.928	15.302.242.022
Vườn cây cao su trồng năm 2022	121,57	14.857.163.862	13.461.095.698
Vườn cây cao su trồng năm 2024	27,8	1.586.593.909	1.332.964.503
Vườn cây cao su trồng năm 2025	781,61	8.665.288.627	-
Vườn cây cà phê trồng xen năm 2025		1.436.674.141	-
Trồng cây đai rừng năm 2024		-	63.107.200
Nông trường Cư Bao		4.610.392.150	1.976.347.089
Cau trồng năm 2019 (8.250 cây) (trồng xen)		662.371.430	545.549.482
Vườn sầu riêng trồng mới năm 2024	11,73	1.378.658.608	1.130.524.046
Keo chắn gió năm 2019 (trồng xen)		-	300.273.561
Vườn sầu riêng trồng mới năm 2025	50,05	2.412.150.800	-
Vườn cà phê trồng xen năm 2025		157.211.312	-
Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản khác		1.872.569.796	4.837.893.315
Xây dựng cơ bản khác		999.696.597	4.837.893.315
Sửa chữa lớn NM chế biến mủ		872.873.199	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

		30/06/2025	01/01/2025
Tại Công ty CP Cao su Daknoruco		33.609.224.333	-
Vườn cao su trồng mới 2022	64,62	5.492.789.323	-
Vườn cao su trồng mới 2021	53,11	5.373.587.917	-
Vườn cao su trồng mới 2020	54,55	7.026.018.803	-
Vườn cao su trồng mới 2019	51,78	7.694.416.548	-
Vườn cao su trồng mới 2018	45,45	7.795.329.369	-
Trụ sở văn phòng Công ty		153.245.455	-
Chi phí lập dự án tái canh cao su		73.836.918	-
Tại Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk		-	36.765.882.701
Vườn cao su		-	17.679.498.912
Vườn sầu riêng		-	17.080.244.678
Đầu tư khác		-	2.006.139.111
Tại Công ty TNHH Phát triển Cao su Đắk Lắk – Mondulkiri		4.677.048.467	4.622.627.795
Nhà máy chế biến		4.608.962.764	4.556.068.156
Chi phí cao su KTCB năm 2023		68.085.703	66.559.639
Cộng		629.398.195.247	677.274.769.429

(*) Đây là giá trị vườn cây cao su đã có Quyết định thu hồi theo Quyết định số 1903/QĐ-UBND ngày 20/08/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk, Công ty đã ngừng đầu tư chăm sóc. Công ty CP Đầu tư Phát triển Nguyễn Hoàng là chủ đầu tư dự án đã tạm ứng tiền bồi thường cho Công ty 10.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty CP Đầu tư Phát triển Nguyễn Hoàng không đủ điều kiện thực hiện dự án nên chưa thanh toán đủ tiền bồi thường cho Công ty theo phương án đã được phê duyệt, do đó hiện nay Công ty vẫn chưa bàn giao đất cho Nhà nước và đang theo dõi chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang và khoản người mua trả tiền trước (xem thuyết minh số V.15).

Giá trị chi phí xây dựng cơ bản dở dang dùng để cầm cố, thế chấp tại ngày 30/06/2025 là: 240.856.335.087 VNĐ (xem thuyết minh số V.20).

13. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí đầu tư phát triển vườn chuối, vườn dứa	-	-	40.768.437.004	40.768.437.004
Cộng	-	-	40.768.437.004	40.768.437.004

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2025	01/01/2025
Phải trả các bên liên quan	917.598.502	1.408.302.919
(Xem thuyết minh số VIII.1)		
- Công ty CP Kỹ thuật cao su	917.598.502	1.408.302.919
Phải trả các người bán khác	35.262.904.198	22.292.875.132
- Thirachay Laobandit	-	2.300.017.728
- Công ty TNHH Quốc tế Tân Hồng Lam	-	2.092.363.092
- Nguyễn Văn Chức	-	1.840.686.595
- Công ty TNHH SX - TM - DV 999	7.803.225.000	-
- Công ty TNHH MTV Quế Lâm Phương Nam	5.267.895.100	-
- Các đối tượng người bán khác	22.191.784.098	16.059.807.717
Cộng	36.180.502.700	23.701.178.051

Trong đó, nợ quá hạn chưa thanh toán tại thời điểm 30/06/2025 là 0 đồng.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	7.439.150.646	-
(Xem thuyết minh số VIII.1)		
Công ty CP Kỹ thuật cao su	7.439.150.646	-
Người mua trả tiền trước là các khách hàng khác	12.917.850.865	42.753.108.582
Công ty TNHH SX-TM-DV Nam Đạt	1.497.175.000	11.466.000.000
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Nguyễn Hoàng (*)	10.000.000.000	10.000.000.000
CNKU Co., Ltd	-	18.279.626.400
Các khách hàng khác	1.420.675.865	3.007.482.182
Cộng	20.357.001.511	42.753.108.582

(*) Xem thuyết minh số V.12.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	01/01/2025		30/06/2025	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ
Thuế giá trị gia tăng	-	2.392.849.828	6.257.065.436	7.192.943.877
Thuế GTGT gia tăng hàng nhập khẩu	-	50.595.307	503.293.901	503.293.901
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	184.428.163	33.629.966.772	17.925.121.102	12.788.895.888
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.380.153.735	1.457.078.502	1.437.231.038
Thuế tài nguyên	-	4.227.889	41.970.982	40.696.135
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	12.904.213	68.337.788.547	27.629.275.898	64.202.439.393
Các loại thuế khác	-	2.569.775.203	12.835.513.755	12.835.488.010
Phí và lệ phí	-	-	37.980.493.789	37.981.372.212
Cộng	197.332.376	108.365.357.281	104.633.528.982	136.986.076.071
			13.782.636	44.406.403.677

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các Công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025 có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các hoạt động áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	146.118.346.818	22.699.599.387
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(3.747.812.648)	4.480.724.605
- Các khoản điều chỉnh tăng	7.626.343.282	5.834.636.828
+ Chi thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	40.800.000	-
+ Doanh thu các lô hàng đã thông quan tháng 6/2025 nhưng tháng 7/2025 mới giao lên tàu	3.921.156.400	-
+ Giá vốn tương ứng với các lô hàng đã thông quan tháng 12/2024 nhưng tháng 1/2025 mới giao lên tàu	3.417.115.235	-
+ Chi phí không hợp lệ khác	247.271.647	5.834.636.828
- Các khoản điều chỉnh giảm	11.374.155.930	1.353.912.223
+ Giá vốn tương ứng với các lô hàng đã thông quan tháng 6/2025 nhưng tháng 7/2025 mới giao lên tàu	4.035.959.185	-
+ Giá vốn tương ứng với các lô hàng đã thông quan tháng 12/2024 nhưng tháng 1/2025 mới giao lên tàu	4.498.649.568	-
+ Chuyển lãi vay các năm trước chưa được trừ vào năm nay	2.744.855.051	1.331.734.416
+ Lợi nhuận từ công ty liên kết	94.692.126	22.177.807
Thu nhập chịu thuế	142.370.534.170	27.180.323.992
Thu nhập được miễn thuế (cổ tức, lợi nhuận được chia)	1.355.389.663	487.603.000
Lỗi các năm trước được chuyển	1.798.276.758	3.386.744.950
Thu nhập tính thuế	139.216.867.749	23.305.976.042
Thuế TNDN hiện hành kỳ này	17.925.121.102	7.670.229.314
Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu năm trước	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	17.925.121.102	7.670.229.314

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2025	01/01/2025
- Chi phí quản lý trồng xen	-	1.881.224.024
- Trích trước chi phí lãi vay	2.262.421.919	1.850.790.319
- Chi phí xử lý chất thải, nước thải sau sản xuất	134.380.000	109.951.527
- Chi phí phải trả khác	1.052.168.610	1.868.693.877
Cộng	3.448.970.529	5.710.659.747

18. Doanh thu chưa thực hiện**a. Ngắn hạn**

	30/06/2025	01/01/2025
Doanh thu cho thuê đất	22.922.361.663	20.966.179.813
Cộng	22.922.361.663	20.966.179.813

b. Dài hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Doanh thu cho thuê Kiot	356.902.517	362.229.419
Cộng	356.902.517	362.229.419

19. Phải trả, phải nộp khác**a. Ngắn hạn**

	30/06/2025	01/01/2025
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đối tượng khác</i>	32.084.130.174	93.628.733.146
Phải trả về cổ phần hóa	24.446.403.457	49.446.403.457
Kinh phí công đoàn	1.642.798.808	1.686.720.259
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	1.671.500.112
Trợ cấp thôi việc	110.948.750	2.241.424.432
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.435.390	782.455.797
Nhận ký quỹ, ký cược	951.856.348	1.934.235.977
Tiền chậm nộp thuế các loại	70.424.785	12.887.918.130
Lãi huy động vốn cán bộ công nhân viên	22.559.014	77.436.000
Các khoản phải trả khác	4.835.703.622	22.900.638.982
Cộng	32.084.130.174	93.628.733.146

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**b. Dài hạn**

	30/06/2025	01/01/2025
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các đối tượng khác	85.994.368.537	86.798.757.775
- Quỹ khen thưởng phúc lợi phải trả cho NLĐ	54.655.211.872	54.655.211.872
- Công ty Cổ phần Thuốc lá Hồ Lắk	1.801.626.000	2.425.294.000
- Công ty cổ phần nông sản Sài Gòn - Ban Mê	813.097.400	1.084.075.700
- Công ty TNHH NN Công nghệ cao Hồng Thuận	1.098.324.499	1.452.432.499
- Công ty CP Tâm An Đắk Lắk	9.781.866.000	9.775.866.000
- Dương Đức Cường	2.182.500.000	2.182.500.000
- Lưu Thanh Điệp	1.178.520.000	1.178.520.000
- Cổ tức còn phải trả	3.435.390	-
- Các đối tượng khác	14.479.787.376	14.044.857.704
Cộng	85.994.368.537	86.798.757.775

20. Vay và nợ thuê tài chính
a. Ngắn hạn

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn</i>				
Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh Đắk Lắk	-	-	173.935.652.535	173.935.652.535
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Đắk Lắk	-	-	54.560.365.781	54.560.365.781
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Lào	-	-	59.945.601.254	59.945.601.254
Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - CN Đắk Lắk	-	-	14.507.469.122	14.507.469.122
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tân Lập Bắc Đắk Lắk	-	-	9.977.641.934	9.977.641.934
Ngân hàng Việt Lào	-	-	4.500.000.000	4.500.000.000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>				
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk (i)	11.850.000.000	11.850.000.000	15.444.574.444	15.444.574.444
	11.850.000.000	11.850.000.000	-	-
Cộng	11.850.000.000	11.850.000.000	173.935.652.535	173.935.652.535

CH
TA
VH
KIỂM
030

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK
Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

b. Dài hạn

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn				
Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh Đắk Lắk (i)	316.307.937.030	316.307.937.030	73.227.055.650	73.227.055.650
Vay dài hạn của Cán bộ công nhân viên (ii)	233.400.000.000	233.400.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000
Công ty CP Đầu tư cao su Đắk Lắk (iii)	2.907.937.030	2.907.937.030	55.227.055.650	55.227.055.650
	80.000.000.000	80.000.000.000	-	-
Cộng	316.307.937.030	316.307.937.030	73.227.055.650	73.227.055.650
Trong đó				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	11.850.000.000			-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	304.457.937.030			73.227.055.650

(i) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk theo các hợp đồng:

Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 25.85.1003/2025-HĐCVTL/NHCT502-CAOSUDAKLAK ký ngày 19/03/2025. Hạn mức vay không vượt quá 300.000.000.000 đồng. Mục đích vay dùng để thanh toán bù đắp chi phí đầu tư tài canh trồng mới và chăm sóc cây cao su (5.617,8 ha) tại huyện Krông Búk và Huyện Cư M'gar, Tỉnh Đắk Lắk do Công ty làm chủ đầu tư trong giai đoạn năm 2015 – 2024. Lãi suất vay tùy từng thời điểm nhận nợ, tại thời điểm ký hợp đồng là 8.5%/năm, thời hạn vay 120 tháng. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 061778, số vào sổ cấp GCN: CT03866 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 02/12/2021, tên công trình: Trung tâm khách sạn, nhà hàng tiệc cưới, văn phòng làm việc công ty theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số: 25.85.1501/2025/HĐBĐ/NHCT502 ngày 13/03/2025; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 603173 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 21/11/2018, tên công trình: Vườn cây Nông trường Cuôr Đăng theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số: 25.85.0204-01/2025/HĐBĐ/NHCT502 ngày 29/04/2025; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 800145 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 06/05/2014, đăng ký thay đổi nội dung cơ sở pháp lý ngày 12/10/2018, tên công trình: Vườn cây Nông trường Cư Kpô theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số: 25.85.1504/2025/HĐBĐ/NHCT502 ngày 29/04/2025. (xem thuyết minh V.10, V.12).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 22.67.0045/2022-HĐCVDADT/NHCT502-DAKNORUCO ngày 02/06/2022. Hạn mức cho vay 30.808.000.000 đồng, mục đích vay vốn dùng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án tái canh vườn cao su 389,45ha tại huyện Đắk Mil và Đắk Song tỉnh Đắk Nông, thời gian cho vay 144 tháng tính từ lần giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay cụ thể theo từng giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời gian ân hạn gốc là 36 tháng đến ngày 25/06/2025.

Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất của dự án tái canh vườn cao su 389,45ha tại huyện Đắk Mil và Đắk Song tỉnh Đắk Nông theo hợp đồng đảm bảo số 22.67.0045/2022-HĐBĐ/NHCT502 ngày 01/06/2022. (xem thuyết minh số V.10 và V.12).

(ii) Vay dài hạn cán bộ công nhân viên theo quyết định số 126/QĐ-CT ngày 29/03/2013 không quy định thời hạn vay cụ thể. Mục đích vay là để cho Công ty CP Chi thun Cao su Đắk Lắk (nay là Công ty CP Cao su Đắk Lắk) phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất vay tính theo lãi suất ngân hàng tại từng thời điểm.

(iii) Vay dài hạn Công ty Cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk theo các Hợp đồng vay vốn:

Hợp đồng vay vốn số 01/2023/HĐVV ký ngày 22/05/2023: Số tiền vay tối đa là 40.000.000.000 đồng, mục đích vay vốn là phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư. Lãi suất cho vay tính 10,5%/năm tại thời điểm cho vay và được điều chỉnh theo lãi suất cho vay thả nổi của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trong suốt thời hạn cho vay, thời hạn vay 60 tháng tính từ thời điểm giải ngân vốn vay cho từng lần vay. Bên vay sẽ cầm cố 6.000.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk mà Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk hiện đang sở hữu, cổ phiếu này đang được niêm yết và giao dịch trên thị trường chứng khoán UPCOM và đang được lưu ký tại Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC) (xem thuyết minh số V.2).

Hợp đồng vay vốn số 01/2024/HĐVV ký ngày 22/11/2024: Số tiền vay là 40.000.000.000 đồng, mục đích vay vốn là phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư chăm sóc vườn cây cao su và sầu riêng tái canh. Lãi suất cho vay tính 9,5%/năm tại thời điểm cho vay và được điều chỉnh theo lãi suất cho vay thả nổi của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trong suốt thời hạn cho vay, thời hạn vay 36 tháng tính từ thời điểm giải ngân vốn vay cho từng lần vay. Bên vay sẽ cầm cố 5.000.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk mà Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk hiện đang sở hữu, cổ phiếu này đang được niêm yết và giao dịch trên thị trường chứng khoán UPCOM và đang được lưu ký tại Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC) (xem thuyết minh số V.2).

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	30/06/2025	01/01/2025
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	41.890.399.608	46.357.739.064
Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	1.267.227.991	1.106.362.709
Cộng	43.157.627.599	47.464.101.773

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK
Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu								
a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu		Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của CĐ không kiểm soát	Cộng	
Số dư tại 01/01/2024	1.558.000.000.000	(279.479.203.482)	56.772.424.520	173.530.033.821	195.788.995.676	1.704.612.250.535		
Tăng trong kỳ	-	-	4.279.673.894	27.662.756.323	24.355.462.026	56.297.892.243		
Chia cổ tức	-	-	-	-	(7.335.000.000)	(7.335.000.000)		
Trích lập quỹ trong kỳ	-	-	-	(8.270.001.508)	(1.987.343.315)	(10.257.344.823)		
CLTG do chuyển đổi báo cáo	-	(43.168.965.759)	(553.872.756)	-	(26.597.787.799)	(70.320.626.314)		
Số dư tại 30/06/2024	1.558.000.000.000	(322.648.169.241)	60.498.225.658	192.922.788.636	184.224.326.588	1.672.997.171.641		
Số dư tại 01/01/2025	1.558.000.000.000	(238.478.638.261)	67.900.939.117	254.419.765.514	248.673.069.029	1.890.515.135.399		
Tăng trong kỳ	-	-	21.222.586.822	128.267.466.064	(71.447.722)	149.418.605.164		
Giảm do thoái vốn tại công ty con	-	105.667.365.474	(25.344.239.967)	(83.118.816.646)	(234.878.329.943)	(237.674.021.082)		
Chia cổ tức	-	-	-	(38.326.800.000)	-	(38.326.800.000)		
Thuế chuyển lợi nhuận từ nước ngoài về Việt Nam	-	-	-	(5.947.866.554)	-	(5.947.866.554)		
Trích lập quỹ trong kỳ	-	-	-	(46.402.768.109)	(187.469.311)	(46.590.237.420)		
CLTG do chuyển đổi báo cáo	-	2.486.394.046	-	-	-	2.486.394.046		
Số dư tại 30/06/2025	1.558.000.000.000	(130.324.878.741)	63.779.285.972	208.890.980.269	13.535.822.053	1.713.881.209.553		

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ	VND
Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đắk Lắk	98,94%	1.541.416.000.000	98,94%	1.541.416.000.000
Các cổ đông khác	1,06%	16.584.000.000	1,06%	16.584.000.000
Cộng	100%	1.558.000.000.000	100%	1.558.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.558.000.000.000	1.558.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	1.558.000.000.000	1.558.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	30/06/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	155.800.000	155.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	155.800.000	155.800.000
- Cổ phiếu thường	155.800.000	155.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	155.800.000	155.800.000
- Cổ phiếu thường	155.800.000	155.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Phân phối lợi nhuận

Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 06 năm 2025. Trích lập các quỹ với số tiền: 36.944.656.599 đồng, cụ thể:

• Trích quỹ đầu tư phát triển:	15.153.712.000 đồng
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi:	21.470.079.317 đồng
• Trích quỹ thưởng cho người quản lý Công ty:	320.865.282 đồng
Chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2023	38.326.800.000 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮC LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**f. Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Số đầu năm	248.673.069.029	195.788.995.676
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(71.447.722)	10.090.916.846
Lỗ CLTG chuyển đổi BCTC của công ty con	-	(7.085.289.619)
Tăng do mua lại vốn tại Công ty con	-	28.056.442.076
Giảm do mua lại vốn tại Công ty con	(234.878.329.943)	
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	(7.335.000.000)
Giảm do chi trả thuế chuyển lợi nhuận	-	(1.260.810.425)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và chi khác	(187.469.311)	(2.198.916.048)
Số cuối kỳ	13.535.822.053	216.056.338.506

23. Tài khoản ngoài bảng

Chỉ tiêu	Ngoại tệ	30/06/2025	01/01/2025
1. Ngoại tệ các loại			
	USD	2.422.635,59	3.301.285,43
	CAD	20,00	20,00
	LAK	0,00	979.168.153,00
	KHR	1.996.716.874,00	60.643.024.095,00
	BAT	0,00	1.299,46
2. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		-	169.454.300

Tài sản nhận giữ hộ

Chỉ tiêu	30/06/2025		
Tài sản không cần dùng bàn giao về địa phương	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
- Cống Km4 đường vào Nông trường Cư Kpô	827.045.270	(408.949.921)	418.095.349
- Nhà tập thể	273.368.165	(273.368.165)	-
Cộng	1.100.413.435	(682.318.086)	418.095.349
Chỉ tiêu	01/01/2025		
Tài sản không cần dùng bàn giao về địa phương	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
- Cống Km4 đường vào Nông trường Cư Kpô	827.045.270	(408.949.921)	418.095.349
- Nhà tập thể	273.368.165	(273.368.165)	-
Cộng	1.100.413.435	(682.318.086)	418.095.349

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (đơn vị tính: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Doanh thu với các đơn vị khác	373.940.293.255	426.588.222.484
Doanh thu bán mủ cao su	274.119.868.121	335.498.525.851
Doanh thu dịch vụ nhà hàng, nhà nghỉ, du lịch	10.641.082.600	10.422.446.915
Doanh thu sản phẩm chỉ thun, vật tư khác	61.205.892.619	47.546.874.643
Doanh thu bán thành phẩm nông nghiệp công nghệ cao	11.343.948.368	17.230.832.008
Doanh thu cho thuê đất trồng xen	15.094.516.114	15.308.891.915
Doanh thu hoạt động khác	1.534.985.433	580.651.152
Cộng	373.940.293.255	426.588.222.484

1b. Trong đó, doanh thu với các bên liên quan

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Doanh thu cho thuê đất trồng xen	246.789.643	277.761.744
Doanh thu hoạt động khác	249.805.393	1.020.000
Cộng	496.595.036	278.781.744

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Giá vốn bán mủ cao su	231.047.838.473	289.745.767.753
Giá vốn dịch vụ nhà hàng, nhà nghỉ, du lịch	12.412.862.753	12.086.388.564
Giá vốn thành phẩm sợi chỉ thun	58.752.719.478	48.901.518.830
Giá vốn bán thành phẩm nông nghiệp công nghệ cao	7.303.073.640	12.703.794.247
Giá vốn hoạt động khác	1.004.178.384	298.915.366
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(609.402.933)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.615.607.574	-
Cộng	314.136.280.303	363.126.981.827

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.053.711.662	858.790.086
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.052.210.874	6.533.500.997
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.429.597.943	761.603.000
Lãi thoái vốn đầu tư vào Công ty con	82.986.959.865	-
Lãi đầu tư cao su liên kết	1.333.984.166	1.055.343.069
Cộng	89.856.464.510	9.209.237.152

4. Chi phí tài chính

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Chi phí lãi vay	8.395.911.462	11.437.382.686
Lỗ chênh lệch tỷ giá	751.485.453	635.966.752
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư cao su liên kết	(184.547.381)	-
Chi phí tài chính khác	249.365.364	935.873.236
Cộng	9.212.214.899	13.009.222.674

5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	984.236.122	1.249.388.033
Chi phí nhân viên bán hàng	350.849.663	936.679.811
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	33.279.229	115.695.966
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.189.581.379	13.046.114.005
Chi phí khác bằng tiền	1.686.768.210	1.525.904.577
Cộng	8.244.714.603	16.873.782.392

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Chi phí nhân viên quản lý	9.760.661.278	9.410.635.228
Chi phí đồ dùng văn phòng, vật liệu quản lý	566.454.585	650.588.316
Chi phí khấu hao tài sản cố định	701.100.566	833.584.091
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(588.000.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.868.310.066	1.452.532.787
Chi phí bằng tiền khác	6.218.679.474	5.995.016.276
Cộng	19.527.205.968	18.342.356.699

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Thu từ thanh lý tài sản cố định	7.360.243.555	1.237.582.777
Thu tiền hỗ trợ Quỹ BHXH cao su	478.863.753	-
Thu nhập khác	1.086.038.582	1.257.929.813
Cộng	8.925.145.890	2.495.512.590

8. Chi phí khác

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Các khoản phạt và truy thu thuế	69.325.955	4.021.629.398
Chi phí tài sản bị thu hồi bồi thường	225.033.798	-
Chi phí khác	1.114.760.139	241.577.656
Cộng	1.409.119.892	4.263.207.054

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	128.267.466.063	4.938.453.227
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ	(49.143.218.241)	(1.892.073.588)
+ Thuế chuyển lợi nhuận từ nước ngoài về Việt Nam	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(49.143.218.241)	(1.892.073.588)
- Lợi nhuận (+) / lỗ (-) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ	79.124.247.822	3.046.379.639
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	155.800.000	155.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu) (*)	508	20

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu 6 tháng đầu năm 2025 được tạm tính theo lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2025 trừ đi quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm trích từ lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2025 theo tỷ lệ trích tương ứng năm 2024 của Tập đoàn. Căn cứ vào quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, số liệu về trích quỹ khen thưởng, phúc lợi có thể thay đổi và do đó, chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể sẽ thay đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	79.124.247.822	3.046.379.639
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
- Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	79.124.247.822	3.046.379.639
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	155.800.000	155.800.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu) (*)	508	20

(*) Xem thuyết minh số 9.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (đơn vị tính: VNĐ)

1. Tiền thu từ đi vay

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	328.216.985.907	220.401.408.505
Cộng	328.216.985.907	220.401.408.505

2. Tiền trả nợ gốc vay

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Tiền chi các khoản đi vay theo khế ước thông thường	308.530.204.416	247.042.358.831
Cộng	308.530.204.416	247.042.358.831

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Đơn vị tính: VNĐ)

1. Các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Tên Công ty	Mối quan hệ
Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk	Chủ sở hữu
Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk (DRI)	Công ty liên kết
Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk	Công ty liên kết
Công ty CP Kỹ thuật Cao su	Công ty liên kết
Quỹ Tín dụng Cao su Đắk Lắk	Đầu tư dài hạn khác
Công ty CP Cao su Thái Dương	Đầu tư dài hạn khác
Công ty TNHH Nông Nghiệp Công nghệ cao DRI	Công ty con của DRI

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮC LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**b. Giao dịch với các bên liên quan**

Doanh thu với các bên liên quan

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Doanh thu cho thuê đất trồng xen	246.789.643	277.761.744
Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao DRI	246.789.643	277.761.744
Doanh thu khác	249.805.393	1.020.000
Công ty CP kỹ thuật cao su	1.309.500	1.020.000
Công ty CP đầu tư cao su Đắk Lắk	34.853.000	-
Quỹ tín dụng cao su Đắk Lắk	213.642.893	-
Cộng	496.595.036	278.781.744

Giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ (trừ bán hàng)

		Kỳ này Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Mua hàng hóa, dịch vụ (trừ tài sản cố định)			
Công ty CP Kỹ thuật cao su	Mua hàng hóa, dịch vụ	3.728.134.002	2.245.279.680
Giao dịch khác			
Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk	Trả lãi vay	2.855.657.536	-
Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk	Chi trả cổ tức	37.918.833.600	-
Cổ tức được chia			
Công ty CP Cao su Thái Dương		360.000.000	-
Quỹ tín dụng cao su Đắk Lắk		455.389.663	-
Công ty CP kỹ thuật cao su		540.000.000	-

c. Số dư với các bên liên quan

Tên Công ty	30/06/2025	01/01/2025
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk	3.757.574.500	3.757.574.500
Phải trả người bán		
Công ty CP kỹ thuật cao su	917.598.502	1.408.302.919
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công ty CP kỹ thuật cao su	7.439.150.646	-
Vay dài hạn		
Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk	80.000.000.000	80.000.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn (lãi vay)		
Công ty CP đầu tư cao su Đắk Lắk	1.031.000.002	1.617.657.534

d. Thu nhập của Ban điều hành

STT	Thành viên Ban QLĐH	Chức danh	6 tháng đầu năm 2025			
			Tiền lương	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch HĐQT	432.000.000	-	1.230.000	433.230.000
2	Nguyễn Minh	Tổng Giám đốc	379.964.000	40.800.000	492.000	421.256.000
3	Nguyễn Độ	Phó Tổng giám đốc	208.918.000	40.800.000	1.156.200	250.874.200
4	Nguyễn Trần Giang	Phó Tổng giám đốc	321.527.000	40.800.000	-	362.327.000
5	Lê Thanh Bình	Kế toán trưởng	312.870.000	-	-	312.870.000
6	Nguyễn Văn Cúc	Thành viên HĐQT	229.362.000	40.800.000	861.000	271.023.000
7	Nguyễn Thạc Hoành	Thành viên HĐQT	-	40.800.000	-	40.800.000
8	Nguyễn Văn Thông	Thành viên HĐQT	195.237.000	40.800.000	-	236.037.000
9	Nguyễn Thạc Hoành	Trưởng ban kiểm soát	324.000.000	-	-	324.000.000
10	Phan Thanh Tân	Thành viên ban kiểm soát	158.908.000	-	-	158.908.000
11	Nguyễn Thị Mai Quyên	Thành viên ban kiểm soát	206.413.000	20.400.000	541.200	227.354.200
Tổng cộng			2.769.199.000	265.200.000	4.280.400	3.038.679.400

STT	Thành viên Ban QLĐH	Chức danh	6 tháng đầu năm 2024			
			Tiền lương	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch HĐQT	180.541.000	-	-	180.541.000
2	Bùi Quang Ninh	Tổng Giám đốc	172.501.000	-	-	172.501.000
3	Nguyễn Độ	Phó Tổng Giám đốc	134.131.000	-	-	134.131.000
4	Nguyễn Minh	Phó Tổng Giám đốc	144.844.000	-	-	144.844.000
5	Nguyễn Trần Giang	Kế toán trưởng	133.097.000	-	-	133.097.000
6	Nguyễn Văn Cúc	Thành viên HĐQT	-	30.214.000	-	30.214.000
7	Tạ Quang Tông	Thành viên HĐQT	-	36.340.000	-	36.340.000
8	Nguyễn Văn Nam	Thành viên HĐQT	-	-	-	-
9	Nguyễn Thạc Hoành	Trưởng Ban kiểm soát	133.678.000	-	-	133.678.000
10	Phan Thanh Tân	Thành viên BKS	75.058.000	-	-	75.058.000
11	Nguyễn Thị Mai Quyên	Thành viên BKS	-	17.142.000	-	17.142.000
Tổng cộng			973.850.000	83.696.000	-	1.057.546.000

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024. Các báo cáo tài chính trên đã được kiểm toán và soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng. Một số chỉ tiêu được trình bày lại, cụ thể:

Kết quả hoạt động kinh doanh			Số liệu năm trước (sau điều chỉnh)	Số liệu năm trước (trước điều chỉnh)	Chênh lệch
STT	Chỉ tiêu	Mã số	Số tiền	Số tiền	Số tiền
1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	32	(12)
2	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	20	32	(12)

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có yếu tố nào đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Tập đoàn và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Tập đoàn.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Đắk Lắk, ngày 27 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Hoàng Thị Thu Sương

HOÀNG THỊ THU SƯƠNG

Kế toán trưởng

Lê Thanh Bình

LÊ THANH BÌNH

Tổng Giám đốc



NGUYỄN MINH



